

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Lương Minh Côn
2. Bà: Đinh Thị Đức
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vi Phương Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.
- Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 65/2023/TLST - HNGĐ, ngày 09/3/2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐST - HNGĐ, ngày 04/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1993
Địa chỉ: Xóm Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
Bị đơn: Anh Đoàn Văn H1, sinh năm: 1986
Địa chỉ: Xóm Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt chị H, vắng mặt anh H1)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Đoàn Văn H1 vào năm 2010. Trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H1 chơi bời cờ bạc, gia đình khuyên bảo nhưng anh H1 không chịu thay đổi. Đến tháng 01/2023 thì chị về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay và chấm dứt mọi quan hệ. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H1 có hai con chung tên Đoàn Anh K, sinh ngày 06/10/2011 và Đoàn Ngọc Bảo C, sinh ngày 09/7/2015. Hiện cháu C đang ở cùng chị bên nhà ngoại; còn cháu K thì ở cùng bố và ông bà nội. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu C, còn anh H1 nuôi cháu K. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không tranh chấp và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đoàn Văn H1 trình bày: Tôi và chị H kết hôn năm 2010, trước khi cưới có được tìm hiểu lấy nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung với bố mẹ tôi tại xóm Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Đến năm 2014 thì vợ chồng ra ở riêng. Không ai có tài sản riêng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 02/2023 thì chị H tự ý về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay và chấm dứt mọi quan hệ. Đến nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nay chị H xin ly hôn tôi không nhất trí.

Về con chung: Tôi và chị H có hai con chung tên Đoàn Anh K, sinh ngày 06/10/2011 và Đoàn Ngọc Bảo C, sinh ngày 09/7/2015. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi cả hai cháu. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không đề nghị Tòa án giải quyết. Tôi đang làm công nhân sửa ô tô, thu nhập hàng tháng là 8 triệu đồng. Tôi đảm bảo việc nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không tranh chấp và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- + Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đoàn Văn H1
- + Về con chung: Giao con chung Đoàn Anh K, sinh ngày 06/10/2011 và Đoàn Ngọc Bảo C, sinh ngày 09/7/2015 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không xem xét. Chị H được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung.

- + Về tài sản: Không xem xét.
- + Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do đó vụ án không thể tiến hành hòa giải được nên phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn

anh Đoàn Văn H1 cư trú tại xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày hôm nay vắng mặt phía bị đơn là anh H1 lần thứ hai không có lý do. Đại diện viện kiểm sát đề nghị giải quyết vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B năm 2010 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Phía chị H xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H1 chơi bời cờ bạc, gia đình khuyên bảo nhưng anh H1 không chịu thay đổi. Đến tháng 01/2023 thì chị H về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay và chấm dứt mọi quan hệ. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Phía anh H1 xác định năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 02/2023 thì chị H tự ý về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay và chấm dứt mọi quan hệ. Anh H1 xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị H và anh H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ tháng 2/2023 tới nay và chấm dứt mọi quan hệ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị H là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị của chị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đoàn Văn H1 là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết chị H và anh H1 đều xác định vợ chồng có 02 con chung là: Đoàn Anh K, sinh ngày 06/10/2011 và Đoàn Ngọc Bảo C, sinh ngày 09/7/2015.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H1 có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, phía chị H có nguyện vọng được nuôi cháu C, còn để anh H1 nuôi cháu K. HĐXX xét thấy về điều kiện chăm sóc con chung thì chị H và anh H1 đều đang làm công nhân có thu nhập ổn định, nên có đủ điều kiện chăm sóc con chung. Tuy nhiên theo đơn đề nghị và nguyện vọng của hai cháu K và C là muốn được ở với bố là anh Đoàn Văn H1, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu về tâm sinh lý và ghi nhận ý kiến và nguyện vọng của các cháu, do đó cần giao hai cháu K và C cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, trừ trường hợp chị H và anh H1 có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị H, anh H1 không yêu cầu nên HĐXX không xem xét. Về quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung chị H được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết chị H, anh H1 không có đề nghị giải quyết về phần tài sản nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh H1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn anh Đoàn Văn H1.

2. Về con chung: Giao con chung Đoàn Anh K, sinh ngày 06/10/2011 và Đoàn Ngọc Bảo C, sinh ngày 09/7/2015 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung khi ly hôn: Chị H được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí. Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004231 ngày 09/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Báo cho chị H biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND xã B;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Kao Hoàng